

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NAM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Xuân Hiệp;

+ Ông Nguyễn Gia Đông.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1975; trú tại: thôn Đ, xã HB, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1961; trú tại: thôn Đ, xã HB, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Chị và anh Phạm Văn K kết hôn vào ngày 19/6/1995, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh K thường xuyên uống rượu, có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập chị nhiều lần. Chị đã cố gắng tha thứ nhiều lần nhưng anh K không thay đổi. Chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn K.

Chị với anh K có 03 con chung tên Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 06/7/1997; Phạm Văn V, sinh ngày: 05/05/2000; Phạm Văn T, sinh ngày 22/01/2006. Tại thời điểm chị nộp đơn khởi kiện ngày 19/10/2023, cháu Phạm Văn T chưa đủ 18

tuổi nên chị yêu cầu giao con cho anh K nuôi dưỡng và chị cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tuy nhiên, đến nay các con đều đã trưởng thành, có thể tự lập nên chị không yêu cầu giải quyết về con cái.

Về tài sản chung, nợ chung: chị và anh K tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn K trình bày:

Anh Phạm Văn K thừa nhận vợ chồng kết hôn vào ngày 19/6/1995, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Anh K thừa nhận có sai trái, đánh đập chị M. Tuy nhiên, theo ý kiến của anh, vợ chồng đến nay đã lớn tuổi, con cái đã trưởng thành. Anh K cam đoan sẽ thay đổi. Vì vậy, anh K mong muốn chị M suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Anh K không đồng ý ly hôn.

Anh Phạm Văn K thống nhất với lời trình bày của chị M về vấn đề con chung. Anh chị không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Phạm Văn K. Anh K có nơi cư trú tại thôn Đ, xã HB, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa ngày 12/3/2024, anh K vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa hôm nay anh K vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên được phân công bận việc đột xuất không thể tham gia phiên tòa và không có kiểm sát viên dự khuyết nên căn cứ Điều 232 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Kiểm sát viên.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Phạm Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/6/1995 tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện H, tỉnh Quảng Nam nên được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh K cũng thừa nhận có hành vi đánh đập chị M. Anh K cam đoan sẽ thay đổi nhưng chị M không chấp nhận. Đến nay chị M bỏ nhà đi làm ăn xa, vợ chồng sống ly thân đến nay gần 5

năm. Những điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn thương yêu, tin tưởng lẫn nhau.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M với anh K đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị M xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Trần Thị M và anh Phạm Văn K có 03 con chung là Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 06/7/1997; Phạm Văn V, sinh ngày 05/05/2000 và Phạm Văn T, sinh ngày 22/01/2006. Khi khởi kiện, ngày 19/10/2023, chị Trần Thị M giao con chung là Phạm Văn T cho anh K nuôi dưỡng và chị M cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các con chung đều đã trưởng thành, có thể tự lập nên chị M, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 232 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M đối với anh Phạm Văn K về việc: “Ly hôn”

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M ly hôn anh Phạm Văn K.

[2]. Về con chung: Có 03 con chung là Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 06/7/1997; Phạm Văn V, sinh ngày 05/05/2000 và Phạm Văn T, sinh ngày 22/01/2006. Hiện nay cả 03 con chung đều đã trưởng thành, có thể tự lập.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị Trần Thị M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị M đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí số 0006777 ngày 19/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam. Chị Trần Thị M đã nộp đủ án phí.

[5]. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/3/2024). Anh Phạm Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã HB theo GCNKH ngày 19/6/1995;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Liêm